

Campuchia hoặc nước thứ ba tham gia vận chuyển hàng hóa quá cảnh bằng đường bộ, đường thủy đều phải tuân thủ Hiệp định Vận tải đường bộ ký ngày 01 tháng 6 năm 1998 và Hiệp định Vận tải đường thủy ký ngày 13 tháng 12 năm 1998 giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia và các quy định khác có liên quan của Việt Nam.

IV. NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

1. Việc thay đổi tuyến đường vận chuyển hoặc cửa khẩu xuất, nhập hàng hóa quá cảnh sẽ do Bộ Thương mại xem xét giải quyết (nếu là hàng quá cảnh theo giấy phép) hoặc do Cục Hải quan tỉnh, thành phố đang giám sát lô hàng xem xét giải quyết (nếu là hàng quá cảnh thông thường) trên cơ sở văn bản đề nghị của chủ hàng quá cảnh Campuchia.

2. Trong quá trình vận chuyển, lưu kho trên lãnh thổ Việt Nam nếu hàng hóa quá cảnh có sự cố (đổ vỡ, mất mát, hư hỏng...) thì chủ hàng quá cảnh Campuchia (hoặc doanh nghiệp vận chuyển) phải kịp thời thông báo cho hải quan (nơi nào không có hải quan thì thông báo cho chính quyền địa phương nơi gần nhất từ cấp xã trở lên) nơi xảy ra sự cố lập biên bản xác nhận tình trạng hàng hóa. Biên bản xác nhận sự cố là cơ sở để hải quan cửa khẩu xuất hàng làm thủ tục xuất khẩu cho lô hàng.

3. Tranh chấp phát sinh giữa các doanh nghiệp Việt Nam và chủ hàng quá cảnh Campuchia trong quá trình thực hiện hợp đồng vận chuyển hàng hóa quá cảnh sẽ do các bên giải quyết thông qua thương lượng. Nếu thương lượng không đạt được kết quả thì tranh chấp sẽ do Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam giải quyết.

4. Việc thanh toán lệ phí và chi phí phát sinh từ hoạt động quá cảnh sẽ được thực hiện phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam về thanh toán các dịch vụ với nước ngoài và các văn bản có liên quan của Nhà nước Việt Nam.

5. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành của Việt Nam./.

THÔNG TƯ số 22/2000/TT-BTM ngày 15/12/2000 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam về xuất nhập khẩu và các hoạt động thương mại khác của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 5403/VPCP-QHQT ngày 11/12/2000 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến Thủ tướng Chính phủ về ban hành Thông tư của Bộ Thương mại hướng dẫn Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000;

Sau khi trao đổi với các Bộ, ngành hữu quan, Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện xuất nhập khẩu và hoạt động thương mại khác của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng.

Doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, dưới đây gọi chung là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

LawSofit * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2. Phạm vi áp dụng.

Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và các hoạt động thương mại khác của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Không áp dụng Mục VII - Tiêu thụ sản phẩm tại thị trường Việt Nam đối với doanh nghiệp chế xuất có vốn đầu tư nước ngoài.

II. XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu.

1.1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất theo Giấy phép đầu tư; được nhận ủy thác xuất khẩu cho các doanh nghiệp khác những hàng hóa cùng loại mà doanh nghiệp được sản xuất theo Giấy phép đầu tư.

1.2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được mua những mặt hàng không do doanh nghiệp sản xuất để chế biến xuất khẩu hoặc xuất khẩu, trừ những mặt hàng ghi trong Danh mục kèm theo. Danh mục hàng hóa này có thể được điều chỉnh theo cơ chế điều hành xuất khẩu, nhập khẩu của Chính phủ cho từng thời kỳ.

1.3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài làm thủ tục xuất khẩu tại cơ quan hải quan, không phải duyệt kế hoạch xuất khẩu tại Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền.

- Khi xuất khẩu hàng hóa do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất theo quy định của Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh, doanh nghiệp chỉ cần xuất trình một lần (lần đầu) với cơ quan hải quan bản sao Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh để làm thủ tục xuất khẩu.

- Khi xuất khẩu hàng hóa không do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất, doanh

nh nghiệp phải ghi trong tờ khai hải quan "Hàng mua tại Việt Nam để xuất khẩu".

- Khi xuất khẩu hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu có hạn ngạch hoặc có chỉ tiêu theo quy định của Chính phủ về cơ chế điều hành xuất nhập khẩu hàng hóa, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài xuất trình với cơ quan hải quan văn bản phân bổ hạn ngạch hoặc chỉ tiêu xuất khẩu của Bộ Thương mại.

- Khi xuất khẩu hàng hóa thuộc Danh mục quản lý chuyên ngành, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải tuân thủ quy định của các Bộ quản lý chuyên ngành.

2. Nhập khẩu.

2.1. Nhập khẩu để tạo tài sản cố định:

2.1.1. Nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư để tạo tài sản cố định hình thành doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Căn cứ Giấy phép đầu tư, Giải trình kinh tế kỹ thuật, doanh nghiệp lập kế hoạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư trình Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền phê duyệt. Kế hoạch này có thể lập cho toàn bộ thời gian xây dựng cơ bản của dự án hoặc chia thành từng năm phù hợp với tiến độ xây lắp. Kế hoạch nhập khẩu phải phù hợp với Giải trình kinh tế kỹ thuật về cơ cấu vốn phân bổ cho nhập khẩu, về tên hàng, số lượng, quy cách kỹ thuật và trị giá.

Trường hợp kế hoạch nhập khẩu không phù hợp với Giấy phép đầu tư và Giải trình kinh tế kỹ thuật thì phải được cơ quan cấp giấy phép đầu tư chấp thuận trong các trường hợp sau:

- Trị giá nhập khẩu từng hạng mục máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư vượt quá 10% trị giá đối với những hạng mục có vốn đầu tư phân bổ nhập khẩu đến 5.000.000USD;

- Trị giá nhập khẩu từng hạng mục máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư vượt quá

500.000 USD đối với hạng mục có vốn phân bổ trên 5.000.000USD;

- Cơ cấu vốn phân bổ cho từng hạng mục nhập khẩu không có trong Giải trình kinh tế kỹ thuật;

- Máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư so với Giải trình kinh tế kỹ thuật dẫn đến thay đổi mục tiêu sản xuất, thay đổi quy trình công nghệ, năng lực sản xuất kinh doanh.

2.1.2. Nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư để mở rộng sản xuất.

Căn cứ Giấy phép đầu tư đã được điều chỉnh, Giải trình kinh tế kỹ thuật về phần mở rộng sản xuất, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lập kế hoạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư trình Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền phê duyệt.

2.1.3. Nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển để thay thế, hoặc đổi mới công nghệ.

Căn cứ nhu cầu sản xuất, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lập kế hoạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển để thay thế, để đổi mới công nghệ trình Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền phê duyệt.

2.1.4. Hồ sơ đề nghị nhập khẩu.

- Văn bản đề nghị nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (về nhập khẩu để hình thành doanh nghiệp, nhập khẩu để mở rộng sản xuất, nhập khẩu để thay thế, nhập khẩu để đổi mới công nghệ);

- Danh mục hàng hóa nhập khẩu (tên hàng, số lượng, quy cách kỹ thuật, trị giá);

- Danh mục máy móc đang sử dụng cần được thay thế, thời gian đã sử dụng, tình trạng máy móc, thiết bị (trong trường hợp nhập khẩu máy móc, thiết bị để thay thế);

- Bản sao Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh (trong trường hợp hợp đồng hợp tác

kinh doanh), Giấy phép đầu tư điều chỉnh tăng vốn (trong trường hợp nhập khẩu máy móc thiết bị để mở rộng sản xuất);

- Giải trình kinh tế kỹ thuật (hoặc Giải trình kinh tế kỹ thuật để mở rộng sản xuất);

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh (trong trường hợp hợp đồng hợp tác kinh doanh).

2.1.5. Trường hợp trị giá hàng nhập khẩu vượt kế hoạch được phê duyệt không quá 10% và trị giá tuyệt đối không quá 100.000 USD, và nếu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chấp thuận nộp thuế nhập khẩu phần chênh lệch so với kế hoạch, thì doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu với cơ quan hải quan theo quy định, không cần có sự chấp thuận của Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền.

- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xây dựng cơ bản thuộc vốn đầu tư đã được phê duyệt nhưng không xác định được số lượng, không kê được chi tiết, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài làm thủ tục nhập khẩu với cơ quan hải quan để trừ lùi theo trị giá đã duyệt.

2.2. Nhập khẩu hàng hóa cho sản xuất kinh doanh.

2.2.1. Căn cứ Giải trình kinh tế kỹ thuật, kết quả thực hiện kế hoạch nhập khẩu năm trước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lập kế hoạch nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu cho sản xuất (đối với dự án sản xuất) và nhập khẩu hàng hóa để kinh doanh dịch vụ (đối với dự án kinh doanh dịch vụ) trình Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền phê duyệt. Kế hoạch bao gồm Danh mục nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, Danh mục nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ trong nước, Danh mục vật tư tiêu hao cho hoạt động sản xuất (không cấu thành sản phẩm).

2.2.2. Kế hoạch nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu 05 năm theo quy định tại khoản 5, 6, 7, 8 Điều 57 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 phải bao gồm:

www.ThuVienPhapLuat.com
01561181
Tel: +84-8-3845 6684 *
LawSoft *

- Trụ sở chính của doanh nghiệp, địa điểm tổ chức sản xuất và sản lượng của từng địa điểm sản xuất;

- Tỷ lệ xuất khẩu theo Giấy phép đầu tư và tỷ lệ thực xuất khẩu của năm trước (kèm theo xác nhận của cơ quan hải quan về trị giá xuất khẩu sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất của năm trước);

- Định mức sử dụng nguyên liệu sản xuất, chủng loại nguyên liệu nhập khẩu theo quy trình sản xuất đã đăng ký tại Giải trình kinh tế kỹ thuật hoặc thực tế đã thực hiện trong năm trước.

2.2.3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài làm thủ tục nhập khẩu tại cơ quan hải quan, không cần trình duyệt kế hoạch nhập khẩu đối với các trường hợp sau:

- Nhập khẩu phụ tùng thay thế cho hoạt động của doanh nghiệp;

- Trị giá nguyên liệu, vật tư cho sản xuất vượt trị giá kế hoạch được duyệt không quá 10% nhưng trị giá tuyệt đối không quá 200.000 USD.

3. Ủy thác nhập khẩu và nhận ủy thác nhập khẩu.

3.1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được ủy thác cho doanh nghiệp Việt Nam có chức năng kinh doanh phù hợp để nhập khẩu hàng hóa trong kế hoạch nhập khẩu đã được phê duyệt.

3.2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được nhận ủy thác nhập khẩu cho các doanh nghiệp khác tại Việt Nam.

4. Báo cáo thực hiện xuất nhập khẩu.

Hàng quý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài báo cáo cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gồm:

- Tình hình xuất khẩu sản phẩm của doanh nghiệp và hàng không do doanh nghiệp sản xuất;

- Tình hình nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư để xây dựng cơ

bản; nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, để sản xuất hàng tiêu thụ trong nước;

- Đối với doanh nghiệp mà Giấy phép đầu tư quy định xuất khẩu 80% sản phẩm trở lên nhưng không thực hiện được tỷ lệ xuất khẩu này, thì doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép đầu tư, cơ quan hải quan để truy nộp thuế nhập khẩu nguyên liệu đối với số nguyên liệu không dùng để sản xuất ra hàng xuất khẩu theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

- Trong một số trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài báo cáo hoạt động xuất nhập khẩu và các hoạt động thương mại khác của doanh nghiệp theo yêu cầu của Bộ Thương mại.

5. Tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được kinh doanh theo phương thức tạm nhập tái xuất mà chỉ được phép tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập hàng hóa trong các trường hợp sau:

5.1. Tạm nhập tái xuất thiết bị thi công thực hiện dự án.

Căn cứ danh mục máy móc, thiết bị thi công do nhà thầu đưa ra, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lập kế hoạch tạm nhập tái xuất các máy móc, thiết bị thi công để trình Bộ Thương mại hoặc các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền duyệt.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải tái xuất toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư thi công tạm nhập sau khi nhà thầu nước ngoài đã hoàn thành xong công trình tại Việt Nam theo hợp đồng xây dựng ký với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được cho thuê, cho mượn hoặc bán các thiết bị thi công tạm nhập của nhà thầu.

Việc mua các thiết bị thi công của nhà thầu thực hiện theo quy định của điểm 5.1 Mục V Thông tư này.

5.2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài làm thủ tục tại cơ quan hải quan các trường hợp sau:

- Tạm xuất tái nhập máy móc, thiết bị để sửa chữa;

- Tạm xuất để tái nhập hàng hóa đã nhập khẩu nhưng không phù hợp với hợp đồng nhập khẩu;

- Tạm nhập để tái xuất hàng hóa đã xuất khẩu nhưng không phù hợp với hợp đồng xuất khẩu;

- Việc tạm xuất tái nhập hoặc tạm nhập tái xuất bao bì hoặc những vật liệu không cấu thành sản phẩm có tính chất luân chuyển hàng hóa nhiều lần (như cọc sợi, lõi cáp, giá đỡ...) được quy định trong hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu.

III. THUÊ MUA VÀ THUÊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ

1. Thuê mua tài chính máy móc, thiết bị để tạo tài sản cố định.

1.1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thuê mua tài chính máy móc, thiết bị để đầu tư bằng hợp đồng thuê mua. Danh mục, số lượng, quy cách kỹ thuật máy móc, thiết bị thuê mua và các điều khoản có liên quan quy định trong hợp đồng phải phù hợp với Giải trình kinh tế kỹ thuật.

Việc thuê mua tài chính máy móc thiết bị để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp phải được cơ quan cấp Giấy phép đầu tư cho phép.

1.2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể trực tiếp nhập khẩu máy móc, thiết bị thuê mua từ nước ngoài, hoặc công ty cho thuê tài chính trong nước nhập khẩu máy móc, thiết bị cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê mua để góp vốn đầu tư.

1.3. Hồ sơ để trình phê duyệt máy móc thiết bị nhập khẩu bằng phương thức thuê mua tài chính gồm:

- Văn bản đề nghị của doanh nghiệp kèm danh mục, số lượng, quy cách kỹ thuật, trị giá máy móc, thiết bị thuê mua;

- Giải trình kinh tế kỹ thuật;

- Văn bản chấp thuận của cơ quan cấp Giấy phép đầu tư cho phép thực hiện thuê mua tài chính máy móc, thiết bị để đầu tư;

- Hợp đồng thuê mua máy móc, thiết bị với công ty cho thuê tài chính nước ngoài hoặc trong nước.

2. Thuê máy móc, thiết bị của nước ngoài để phục vụ hoạt động của doanh nghiệp.

2.1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được thuê các máy móc, thiết bị, khuôn mẫu và phụ tùng đi kèm chưa có trong dây chuyền công nghệ đã đăng ký tại Giải trình kinh tế kỹ thuật để sử dụng trong thời hạn nhất định nhằm hoàn chỉnh sản phẩm.

Máy móc, thiết bị thuê thuộc loại đã qua sử dụng phải không thuộc Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu theo cơ chế điều hành xuất khẩu, nhập khẩu của Chính phủ cho từng thời kỳ và quy định của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

2.2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được nhượng bán máy móc, thiết bị thuê và phải tái xuất khi hết thời hạn thuê.

2.3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải nộp thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị thuê; thay mặt Bên cho thuê thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

2.4. Hồ sơ tạm nhập tái xuất thiết bị thuê

- Văn bản đề nghị của doanh nghiệp trong đó gồm: nêu rõ mục đích sử dụng máy móc, thiết bị thuê; thời gian sử dụng máy móc, thiết bị tại Việt Nam; Danh mục máy móc thiết bị thuê (tên hàng, số lượng, quy cách kỹ thuật, trị giá);

- Hợp đồng thuê máy móc, thiết bị với nước ngoài.

IV. GIA CÔNG

Doanh nghiệp thực hiện hoạt động gia công và gia công lại sản phẩm theo mục tiêu quy định tại giấy phép đầu tư.

1. Gia công với nước ngoài.

- Hoạt động gia công thực hiện theo quy định của Bộ Thương mại tại Thông tư số 18/1998/TT-BTM ngày 28/8/1998.

- Trong hợp đồng gia công nếu có thuê mượn thiết bị máy móc để thực hiện hợp đồng gia công thì doanh nghiệp phải thực hiện theo quy định tại Điểm 2 Mục III nêu trên.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được đưa đi gia công ở nước ngoài đối với những công đoạn mà trong nước chưa có điều kiện làm.

2. Gia công trong nước.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được nhận gia công trong nước.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được đưa gia công trong nước một phần sản phẩm hoặc gia công một số công đoạn mà công suất máy móc thiết bị hoặc dây chuyền công nghệ chưa đảm bảo được.

V. MUA BÁN, GIA CÔNG GIỮA DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT VÀ NỘI ĐỊA

1. Mua, bán giữa doanh nghiệp chế xuất và nội địa.

1.1. Doanh nghiệp chế xuất không được bán hàng hóa nhập khẩu tại thị trường Việt Nam.

1.2. Doanh nghiệp chế xuất chỉ được bán vào thị trường nội địa sản phẩm do doanh nghiệp chế xuất sản xuất theo quy định của Giấy phép đầu tư, bao gồm:

1.2.1. Nguyên liệu, bán thành phẩm cho doanh nghiệp khác trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu;

1.2.2. Hàng hóa trong nước có nhu cầu nhập khẩu nhưng không thuộc Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu và Danh mục hàng hóa nhập khẩu có giấy phép của Bộ Thương mại;

1.2.3. Phế liệu, phế phẩm còn giá trị thương mại.

1.3. Việc mua bán giữa doanh nghiệp chế xuất với thị trường nội địa thực hiện theo Thông tư số 23/1999/TT-BTM ngày 26/7/1999 của Bộ Thương mại (riêng đối với điểm a khoản 1 Mục III Thông tư số 23/1999/TT-BTM về hàng hóa nội địa mua của doanh nghiệp chế xuất được thay thế bằng điểm 1.2.2 khoản 1 Mục IV Thông tư này).

2. Gia công giữa doanh nghiệp chế xuất và nội địa.

2.1. Doanh nghiệp chế xuất có vốn đầu tư nước ngoài được đặt gia công cho các doanh nghiệp nội địa một phần sản phẩm hoặc gia công một số công đoạn mà công suất máy móc, thiết bị hoặc dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp chế xuất chưa đảm bảo được.

2.2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được đặt doanh nghiệp chế xuất gia công một phần sản phẩm hoặc gia công một số công đoạn mà công suất máy móc, thiết bị hoặc dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa đảm bảo được.

2.3. Doanh nghiệp Việt Nam được phép đặt gia công cho doanh nghiệp chế xuất theo Thông tư số 18/1998/TT-BTM ngày 28/8/1998, Thông tư số 26/1999/TT-BTM ngày 19/8/1999, Thông tư số 01/2000/TT-BTM ngày 17/1/2000.

VI. XUẤT KHẨU TẠI CHỖ

1. Xuất khẩu sản phẩm cho thương nhân nước

ngoài nhưng giao tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài.

1.2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu xuất khẩu hàng hóa do chính doanh nghiệp sản xuất theo Giấy phép đầu tư và doanh nghiệp trong nước có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa trên tại Việt Nam thì doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải ký hợp đồng xuất khẩu, doanh nghiệp trong nước phải ký hợp đồng nhập khẩu với thương nhân nước ngoài; việc thanh toán được thực hiện qua ngân hàng và bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

1.2. Doanh nghiệp trong nước nhập khẩu tại chỗ sản phẩm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng được những điều kiện sau:

- Trường hợp là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: sản phẩm này phải là nguyên liệu để doanh nghiệp tiếp tục sản xuất và thuộc kế hoạch nhập khẩu hàng năm đã được duyệt;

- Trường hợp là doanh nghiệp Việt Nam: sản phẩm này phải là nguyên liệu, bán thành phẩm để tiếp tục sản xuất và nộp thuế theo quy định đối với hàng nhập khẩu;

- Doanh nghiệp trong nước nhận sản phẩm để thực hiện hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài: việc gia công thực hiện theo quy định của Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 30/7/1998 của Chính phủ và Thông tư số 18/1998/TT-BTM ngày 28/8/1998 của Bộ Thương mại.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là nhà thầu phụ của nhà thầu nước ngoài thực hiện công trình xây dựng, lắp đặt tại Việt Nam.

Việc xuất khẩu tại chỗ sản phẩm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cho nhà thầu chính nước ngoài phải được thực hiện bằng hợp đồng mua bán, hoặc bằng hợp đồng thầu phụ trong đó cung cấp sản phẩm và lắp đặt một phần công trình cho nhà thầu chính; thanh toán bằng ngoại tệ qua ngân hàng.

VII. TIÊU THỤ SẢN PHẨM TẠI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

1. Theo quy định tại Giấy phép đầu tư, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được trực tiếp hoặc thông qua đại lý để tiêu thụ sản phẩm tại thị trường Việt Nam, không bị giới hạn về địa bàn tiêu thụ và không cần trình duyệt kế hoạch tiêu thụ sản phẩm.

2. Trường hợp Giấy phép đầu tư quy định tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu, trong vòng 3 tháng đầu năm, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp Giấy phép đầu tư, cơ quan hải quan, cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền, Bộ Thương mại về tỷ lệ xuất khẩu và tiêu thụ sản phẩm của năm trước để theo dõi việc thực hiện quy định của Giấy phép đầu tư, việc thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác.

3. Đại lý tiêu thụ hàng hóa sản xuất trong nước.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được làm đại lý tiêu thụ sản phẩm cùng loại của các doanh nghiệp khác sản xuất tại Việt Nam. Việc đại lý mua, bán hàng hóa thực hiện theo Nghị định số 25/CP ngày 25/4/1996 của Chính phủ và Thông tư số 10/TT-BTM ngày 13/6/1996 của Bộ Thương mại về đại lý mua, bán hàng hóa trong nước.

4. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được làm đại lý bán hàng hóa cho nước ngoài và không được làm đại lý bán hàng hóa nhập khẩu tại thị trường Việt Nam.

VIII. THANH LÝ MÁY MÓC, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN, VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU

1. Thanh lý máy móc, thiết bị, vật tư dôi thừa sau khi hoàn thành xây dựng cơ bản hình thành doanh nghiệp.

1.1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thanh lý máy móc, thiết bị, vật tư dôi thừa sau khi hoàn thành xây dựng cơ bản hình thành doanh nghiệp.

1.2. Hồ sơ thanh lý trình Bộ Thương mại phê duyệt gồm:

- Báo cáo quyết toán công trình;
- Văn bản đề nghị của doanh nghiệp kèm Bảng kê danh mục, trị giá máy móc, thiết bị, vật tư dôi thừa (ghi rõ số công văn cho phép nhập khẩu, số tờ khai hải quan khi nhập khẩu).

2. Thanh lý tài sản khi chấm dứt hoạt động của dự án.

2.1. Trường hợp thanh lý máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư tại Việt Nam.

Hồ sơ thanh lý trình Bộ Thương mại phê duyệt gồm:

- Văn bản đề nghị của Ban thanh lý kèm Bảng kê danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư thanh lý tại Việt Nam (nêu rõ số giấy phép nhập khẩu, tờ khai hải quan, trị giá nhập khẩu ban đầu, trị giá còn lại);

- Quyết định giải thể doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của cơ quan cấp Giấy phép đầu tư;

- Quyết định thành lập Ban thanh lý của Hội đồng quản trị hoặc quyết định thành lập Ban thanh lý của cơ quan cấp Giấy phép đầu tư;

- Phương án thanh lý được Hội đồng quản trị phê duyệt hoặc được nhà đầu tư nước ngoài phê duyệt (trường hợp doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài).

2.2. Trường hợp tái xuất máy móc, thiết bị, vật tư thuộc phần tài sản của phía nước ngoài, hoặc của nhà đầu tư nước ngoài (trường hợp doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài).

Hồ sơ tái xuất máy móc, thiết bị, vật tư gồm:

- Văn bản đề nghị của Ban thanh lý kèm Bảng

kê danh mục máy móc thiết bị, vật tư tái xuất (nêu rõ số giấy phép nhập khẩu, trị giá nhập khẩu ban đầu, trị giá còn lại) phù hợp với phần vốn được chia của phía nước ngoài trong phương án thanh lý;

- Quyết định giải thể doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của cơ quan cấp Giấy phép đầu tư;

- Quyết định thành lập Ban thanh lý của Hội đồng quản trị hoặc quyết định thành lập Ban thanh lý của cơ quan cấp Giấy phép đầu tư;

- Phương án thanh lý được Hội đồng quản trị phê duyệt hoặc được nhà đầu tư nước ngoài phê duyệt (trường hợp doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài);

- Văn bản xác nhận của cơ quan thuế và cơ quan hải quan về việc doanh nghiệp đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính.

3. Thanh lý máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển khi doanh nghiệp vẫn đang hoạt động

3.1. Việc thanh lý máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển để thay thế, đổi mới công nghệ.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được thanh lý khi máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển đã hết thời gian khấu hao, hoặc bị hư hỏng, hoặc thanh lý để thay thế bằng máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển mới có công nghệ tiên tiến hơn.

Hồ sơ thanh lý gồm:

- Văn bản đề nghị của doanh nghiệp kèm Bảng danh mục, số lượng máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển thanh lý (nêu rõ số tờ khai hải quan, bản sao tờ khai hải quan, bản sao công văn cho phép nhập khẩu);

- Giải trình lý do thanh lý, trong đó nêu rõ thời gian sử dụng các máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển cần thanh lý.

3.2. Việc thanh lý máy móc, thiết bị, phương

tiện vận chuyển để thu hẹp sản xuất hoặc chuyển mục tiêu hoạt động.

Kế hoạch thanh lý máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển để chuyển đổi mục tiêu hoạt động hoặc thu hẹp sản xuất phải được Hội đồng quản trị doanh nghiệp hoặc nhà đầu tư nước ngoài (trường hợp doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài) thông qua. Doanh nghiệp phải được cơ quan cấp Giấy phép đầu tư ra quyết định cho phép thu hẹp sản xuất hoặc chuyển mục tiêu hoạt động.

Hồ sơ thanh lý gồm:

- Văn bản đề nghị của doanh nghiệp kèm Bảng kê danh mục, số lượng máy móc, thiết bị thanh lý có ghi số tờ khai hải quan, bản sao tờ khai hải quan, bản sao văn bản cho phép nhập khẩu;

- Quyết định của cơ quan cấp Giấy phép đầu tư cho phép doanh nghiệp thu hẹp sản xuất hoặc chuyển mục tiêu hoạt động;

- Biên bản của Hội đồng quản trị doanh nghiệp thông qua kế hoạch thu hẹp sản xuất hoặc chuyển đổi mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp, trong đó có danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển cần thanh lý.

4. Thanh lý nguyên liệu, vật tư nhập khẩu tồn kho hoặc kém chất lượng.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được kinh doanh nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu vào Việt Nam để phục vụ sản xuất và chỉ được bán tại Việt Nam nguyên liệu, vật tư dôi dư, tồn kho, hoặc không đảm bảo chất lượng, hoặc khi chuyển sang sản xuất sản phẩm khác.

Hồ sơ thanh lý gồm:

- Văn bản đề nghị của doanh nghiệp kèm Bảng kê danh mục, số lượng, trị giá, số tờ khai hải quan, thời gian nhập khẩu nguyên liệu, vật tư dôi dư, tồn kho;

- Biên bản giám định chất lượng của tổ chức giám định hàng hóa nếu nguyên liệu, vật tư kém

phẩm chất không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật cho sản xuất.

5. Thanh lý máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển tạm nhập để thi công của nhà thầu tại Việt Nam.

5.1. Nhà thầu xây dựng nước ngoài chỉ được bán thiết bị thi công tại thị trường Việt Nam với các điều kiện sau:

- Máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển thi công tạm nhập trước khi bán tại thị trường Việt Nam phải được doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoàn thành thủ tục tái xuất cho nhà thầu và phải đảm bảo các quy định của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường;

- Thương nhân Việt Nam phải ký hợp đồng nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển nói trên với nhà thầu nước ngoài theo các quy định về điều hành xuất khẩu, nhập khẩu của Chính phủ.

Nếu bên nhập khẩu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì ngoài việc phải tuân thủ các quy định nhập khẩu nêu trên, máy móc, thiết bị, phương tiện nhập khẩu phải phù hợp với Giải trình kinh tế kỹ thuật về số lượng, quy cách, chất lượng và thuộc kế hoạch nhập khẩu tạo tài sản cố định đã được duyệt;

- Việc nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng từ nhà thầu xây dựng nước ngoài phải thực hiện theo quy định về điều hành xuất khẩu, nhập khẩu của Chính phủ.

6. Hủy tài sản máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư, nguyên liệu bị hư hỏng không còn khả năng sử dụng.

Việc hủy máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư, nguyên liệu để thi công và sản xuất; nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu; nguyên liệu để gia công; hàng đưa vào kho bảo thuế đã bị hư hỏng hoàn toàn, không đủ khả năng phục hồi, được thực hiện theo quy định

của cơ quan hải quan và quy định về vệ sinh môi trường.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ THƯƠNG MẠI VÀ CÁC CƠ QUAN ĐƯỢC BỘ THƯƠNG MẠI ỦY QUYỀN

1. Trách nhiệm quản lý của Bộ Thương mại.

1.1. Bộ Thương mại có trách nhiệm hướng dẫn và giám sát các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền việc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu và các hoạt động thương mại khác của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

1.2. Duyệt kế hoạch nhập khẩu, tạm nhập tái xuất và xác nhận miễn thuế đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư cho hoạt động dầu khí của các dự án đầu tư trực tiếp thăm dò và khai thác dầu khí, các dự án có một Giấy phép đầu tư nhưng thực hiện tại nhiều cơ sở sản xuất hạch toán độc lập ở các tỉnh khác nhau theo quy định của Chính phủ tại Công văn số 123/CP-QHQT ngày 06/2/1999.

1.3. Xác nhận miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất thuộc các dự án được miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu trong 5 năm đầu theo quy định tại khoản 5, 6, 7, 8 Điều 57 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ.

1.4. Cho phép thanh lý máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư nguyên liệu theo quy định tại khoản 9 Điều 57 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ.

1.5. Duyệt kế hoạch nhập khẩu các mặt hàng thuộc Danh mục có giấy phép của Bộ Thương mại.

Thời gian duyệt kế hoạch nhập khẩu, xác nhận miễn thuế nguyên liệu và cho phép thanh lý nêu trên không quá 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

2. Trách nhiệm của các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền.

2.1. Duyệt kế hoạch nhập khẩu và xác nhận miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư, phụ tùng thay thế để lắp đặt đầu tư tạo tài sản cố định của doanh nghiệp, bao gồm cả việc nhập khẩu để tạo tài sản bằng phương thức thuê mua tài chính.

2.2. Duyệt kế hoạch tạm nhập máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển thuê của nước ngoài để hoạt động.

2.3. Duyệt kế hoạch nhập khẩu vật tư, nguyên liệu cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp theo Giấy phép đầu tư.

Thời gian duyệt kế hoạch nhập khẩu nêu trên 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

2.4. Hàng quý, Sở Thương mại và Ban quản lý các Khu Công nghiệp báo cáo Bộ Thương mại việc thực hiện xuất nhập khẩu và các hoạt động thương mại khác của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn quản lý.

X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ các văn bản dưới đây:

- Quyết định số 0321/1998/QĐ-BTM ngày 14/3/1998 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc ban hành quy định chi tiết thực hiện Nghị định số 12/CP ngày 18/2/1997 và Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23/1/1998 của Chính phủ liên quan đến xuất nhập khẩu, tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam và gia công của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên hợp doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- Thông tư liên tịch số 23/1998/TTLT-BTM-

TCHQ ngày 31/12/1998 của Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan về giải quyết một số thủ tục xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Quyết định số 1021/1999/QĐ-BTM ngày 01/9/1999 của Bộ trưởng Bộ Thương mại bãi bỏ việc duyệt kế hoạch xuất khẩu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Quyết định số 1022/1999/QĐ-BTM ngày 01/9/1999 của Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Danh mục hàng hóa không thuộc đối tượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mua tại Việt Nam để xuất khẩu./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thủ trưởng

MAI VĂN DẦU

DANH MỤC hàng hóa không thuộc đối tượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mua để xuất khẩu

(ban hành kèm theo Thông tư số 22/2000/QĐ-BTM ngày 15/12/2000).

I. HÀNG CẤM XUẤT KHẨU

1. Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, trang thiết bị kỹ thuật quân sự.
2. Đồ cổ.
3. Các loại ma túy.
4. Hóa chất độc.
5. Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ bóc từ gỗ rừng tự nhiên trong nước: củi, than từ gỗ hoặc củi; các sản phẩm, bán sản phẩm làm từ gỗ rừng tự nhiên trong nước quy định cấm xuất khẩu tại Quyết định số 65/1998/QĐ-TTg ngày 24/3/1998 của

Thủ tướng Chính phủ và các văn bản của Chính phủ điều chỉnh Quyết định này (Quyết định số 136/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1999; Chỉ thị số 19/1999/CT-TTg ngày 16/7/1999; Văn bản số 743/CP-NN ngày 19/7/1999; Văn bản số 340/CP-NN ngày 07/4/1999).

6. Các loại động vật hoang dã và động vật, thực vật quý hiếm tự nhiên do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn.

II. HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CÓ HẠN NGẠCH

1. Gạo.
2. Hàng dệt, may mặc xuất khẩu vào các nước EU, Na uy, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ.

III. DANH MỤC HÀNG HÓA KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI MUA ĐỂ XUẤT KHẨU

1. Cà phê nhân.
2. Động vật rừng xuất khẩu.
3. Thực vật rừng dùng làm giống.
4. Đá quý, kim loại quý, ngọc trai tự nhiên.
5. Sản phẩm gỗ (trừ hàng thủ công mỹ nghệ, hàng sản xuất từ gỗ rừng trồng, hàng sản xuất từ gỗ nhập khẩu, hàng sản xuất từ ván nhân tạo thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 136/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998).
6. Khoáng sản.

Ghi chú: Trường hợp các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh để sản xuất những mặt hàng nói trên thì việc xuất khẩu thực hiện theo Giấy phép đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.